

Bản án số: 66/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 25/9/2025
V/v “Tranh chấp chia tài sản sau
khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Giàu;

Ông Võ Trung Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

Bà Phan Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2025/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn”.

Do Bản án sơ thẩm số 244/2024/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân Khu vực X – Đồng Tháp (Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 798/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Nguyễn Văn L, sinh năm 1956;

Địa chỉ: ấp T, xã K, tỉnh Đồng Tháp.

(ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ).

- **Bị đơn:** Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp T, xã K, tỉnh Đồng Tháp.

(ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ).

Người đại diện theo ủy quyền: Huỳnh Hoàng P, sinh năm 1985;

Địa chỉ: số M H, Phường Đ, tỉnh Đồng Tháp.

(số M H, Phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cũ).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Nguyễn Hoài T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp T, xã K, tỉnh Đồng Tháp.

(ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị Ánh H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoài T.

(Có mặt: ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Hoàng P; vắng mặt: ông Nguyễn Hoài T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 27/02/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:*

Ông với bà Nguyễn Thị Ánh H sống chung năm 1984, không có đăng ký kết hôn, vợ chồng đã ly hôn năm 2019. Tuy nhiên, khi ly hôn chưa giải quyết vấn đề tài sản. Trong quá trình sống chung ông và bà H có tạo lập tài sản gồm 02 thửa đất:

+ Thửa đất số 2534, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.500m² tọa lạc ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Ánh H ngày 11/9/2003, trên đất có căn nhà do ông và bà H đang quản lý sử dụng.

+ Thửa đất số 1580, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.340m² tọa lạc ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Ánh H ngày 19/3/2001, hiện trạng trước đây là đất ruộng, hiện nay là đất vườn cũng do ông và bà H đang quản lý sử dụng.

Nguồn gốc 02 thửa đất là của cha mẹ vợ cho vợ chồng, thời điểm cho đất là khi vợ chồng mới về sống chung, khi cho không có làm giấy tờ nhưng cha mẹ vợ cho vợ chồng cất nhà tạm trên đất để ở và buôn bán, đến khoảng năm 1988 thì cất lại nhà (nhà cấp 4) từ nguồn tiền do ông đi làm mà có. Đến năm 2003 thì cất lại nhà như hiện nay, nguồn tiền cất nhà cũng là của ông do ông bán một thửa đất ở xã B và một phần từ nguồn tiền bán vàng cưới. Ông và bà H có 02 người con Nguyễn Văn T1, đã chết năm 2016 chưa có vợ con và Nguyễn Hoài T, sinh năm 1990. Ông xác định 02 thửa đất là tài sản chung của vợ chồng, vợ chồng cùng quản lý sử dụng từ năm 1984 đến nay, tuy giấy đất cấp cho hộ nhưng ông xác định đây là tài sản của vợ chồng vì con ông không có đóng góp gì, đối với căn nhà trên đất là tài sản riêng của ông. Nay ông yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ diện tích đối với thửa đất 2534 tại vị trí có căn nhà và $\frac{1}{2}$ diện tích đối với thửa đất 1580 tại vị trí giáp đường đá. Đối với cây trồng hiện có trên đất ông thừa nhận là của bà H trồng. Nếu được chia đất ông đồng ý hoàn lại giá trị cây trồng trên đất cho bà H theo kết quả định giá.

** Tại văn bản ghi ý kiến ngày 19/12/2023 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh H trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn L sống chung năm 1984 không có đăng ký kết hôn, đến năm 2019 bà và ông L ly hôn và được công nhận thuận tình ly hôn theo Quyết định số 236/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Thời điểm ly hôn không có tranh chấp về tài sản. Bà xác định giữa bà và ông L không có tài sản chung. Đối với 02 thửa đất ông L tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ ruột bà cho bà, năm 2001 và 2003 bà được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp cho hộ do bà đại diện đứng tên, thời điểm cấp giấy đất thành viên trong hộ khẩu chỉ có bà và 02 con là Nguyễn Văn T1, sinh năm 1985 (đã chết năm 2016) chưa có vợ con và Nguyễn Hoài T, sinh năm 1990, hiện đang đi làm tại thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Bà nhận và sử dụng đất từ năm 1984, sau khi nhận đất thì vợ chồng cất nhà tạm, sau này cất nhà kiên cố từ nguồn tiền của ông L, tuy nhiên có một phần từ nguồn tiền bán vàng cưới và vàng của cha mẹ bà cho khi cất căn nhà trước đó đến khi xây nhà mới thì vẫn tận dụng nhiều vật dụng từ nhà cũ của hai vợ chồng nên bà xác định căn nhà là tài sản chung của vợ chồng. Nhà cửa, cây trái do bà trực tiếp quản lý, ông L không có đóng góp gì, ông L chỉ ở chung nhà, trước đây ông L đi làm ở B, hiện nay đi làm ở S, sáng đi chiều về nên không có tranh chấp sử dụng đất, tiền lương thu nhập của ai thì người đó sử dụng. Hiện tại chỉ có bà và ông L cùng quản lý sử dụng nhà đất. Nay ông L yêu cầu chia tài sản là hai thửa đất và cho rằng căn nhà là tài sản riêng bà không đồng ý.

** Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoài T trình bày:* Anh là con ruột của ông L, bà H, anh thống nhất ý kiến bà H, không có bổ sung gì thêm.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất 2534, diện tích đo đạc thực tế 795,6m² (ký hiệu S4 theo sơ đồ), đồng ý để bà Nguyễn Thị Ánh H được quyền sở hữu sử dụng toàn bộ diện tích đất còn lại cùng tài sản trên đất, ông đồng ý hoàn lại giá trị cây trồng trên diện tích đất ông được chia cho bà H theo kết quả định giá.

** Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 244/2024/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân Khu vực X - Đồng Tháp (Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ) đã áp dụng: Điều 33; Điều 38; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy*

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L.

1.1. Chia cho ông Nguyễn Văn L diện tích đất 795,6m² (ký hiệu S4) thuộc thửa đất số 2534, tờ bản đồ số 2 toạ lạc ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang, có tứ cận:

Đông giáp đường nước

Tây giáp thửa đất 1647, 2535

Nam giáp thửa đất 2535

Bắc giáp đường tỉnh 864

(có sơ đồ kèm theo)

Ông Nguyễn Văn L được sở hữu toàn bộ cây trồng trên diện tích đất được chia gồm 10 cây dừa loại B1, 11 cây loại C; 01 cây vú sữa loại B2; 01 cây bưởi loại B1, 05 cây loại B2, 12 cây loại C; 02 cây mận loại A, 01 cây loại C, 01 cây loại D; 02 cây xoài loại D; 01 cây sáo loại D.

Buộc bà Nguyễn Thị Ánh H giao cho ông Nguyễn Văn L diện tích đất 795,6m² (ký hiệu S4) thuộc thửa đất số 2534, tờ bản đồ số 2 toạ lạc ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang cùng toàn bộ cây trồng trên đất gồm 10 cây dừa loại B1, 11 cây loại C; 01 cây vú sữa loại B2; 01 cây bưởi loại B1, 05 cây loại B2, 12 cây loại C; 02 cây mận loại A, 01 cây loại C, 01 cây loại D; 02 cây xoài loại D; 01 cây sáo loại D.

1.2. Chia cho bà Nguyễn Thị Ánh H các diện tích đất và tài sản trên đất gồm:

* Diện tích đất 745,2m² (ký hiệu S3) thuộc thửa 2534, tờ bản đồ số 2 toạ lạc ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang có tứ cận:

Đông giáp diện tích đất chia cho ông Nguyễn Văn L (ký hiệu S4)

Tây giáp thửa đất 1647, 2535

Nam giáp thửa đất 2535

Bắc giáp đường tỉnh 864

(có sơ đồ kèm theo)

Bà Nguyễn Thị Ánh H được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất được chia là căn nhà gồm: Nhà chính diện tích 147,3m², kết cấu cột bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch men, mái tôn, trần nhựa; mái che diện tích 40m², kết cấu cột bê tông đúc sẵn, không vách, nền xi măng, mái tôn; nhà vệ sinh diện tích 3,68m², kết cấu cột gạch, vách tường, nền gạch men, không mái; hàng rào diện tích 47,85m², kết cấu trụ bê tông đúc sẵn, lưới B40; sân gạch men diện tích 56,95m²; lối đi bê tông đá 1×2 và toàn bộ cây trồng gồm: 07 cây dừa loại B2, 07 cây loại C, 04 cây loại D; 01 cây xoài loại A, 01 cây loại B1; 06 cây bưởi loại B2, 06 cây

loại C; 03 cây ổi loại B2, 02 cây loại C; 01 cây mít loại D; 01 cây vú sữa loại C; 01 cây mận loại D và 30 kiềng chậu, 15 kiềng đất.

* Toàn bộ thửa đất 1580, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.340m² diện tích đo đạc thực tế là 1.209m² có tứ cận:

Đông giáp thửa đất 1579

Tây giáp đường bê tông

Nam giáp thửa đất 1581

Bắc giáp đường đá

(có sơ đồ kèm theo)

Bà Nguyễn Thị Ánh H được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất được chia gồm: Mái che diện tích 25m², kết cấu trụ bê tông đúc sẵn, vách tôn lừng, nền xi măng, mái tôn và toàn bộ cây trồng gồm 03 cây dừa loại A, 03 cây loại D1, 42 cây loại B2, 11 cây loại C; 08 cây ổi loại B1, 06 cây loại B2, 04 cây loại C; 07 cây hạnh loại B1, 19 cây loại B2, 15 cây loại C; 03 cây xoài loại C, 01 cây loại D; 01 cây mít loại B2; 01 cây cam loại A, 04 cây loại B2, 05 cây loại C; 08 cây sáo loại B1, 03 cây loại B2, 02 cây loại C, 04 cây loại D; 06 cây bưởi loại B1, 09 cây loại B2, 03 cây loại C; 01 trụ thanh long loại B2.

Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh biến động hoặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo quy định pháp luật khi án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Ghi nhận ông Nguyễn Văn L hoàn trả bà Nguyễn Thị Ánh H giá trị cây trồng là 32.352.000 đồng (ba mươi hai triệu ba trăm năm mươi hai ngàn đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Ánh H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Nguyễn Văn L chậm thi hành án thì ông Nguyễn Văn L còn phải chịu số tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Việc giao đất, giao tiền thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn L.

Bà Nguyễn Thị Ánh H phải chịu 112.205.217 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 19 tháng 12 năm 2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 244/2024/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân Khu vực X – Đồng Tháp (Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ); yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên kháng cáo.

- Các đương sự thoả thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án:

+ Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Ánh H và bên nhận tặng cho là ông Nguyễn Hoài T đối với thửa đất số 2534, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.500m² (diện tích thực đo là 1.510,7m²) tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã K, tỉnh Đồng Tháp) được Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang chứng thực ngày 12/3/2021.

+ Ông Nguyễn Văn L được quyền sử dụng 392,5m² đất (trong đó có 117,2m² đất nằm trong lộ giới, 105m² nằm trong hành lang bảo vệ kênh) thuộc thửa đất số 2534, tờ bản đồ số 2 tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã K, tỉnh Đồng Tháp), ký hiệu S4 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 05/8/2025.

+ Bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng 1.118,2m² đất (trong đó có 149,1m² nằm trong lộ giới và 112,9m² nằm trong hành lang bảo vệ kênh) thuộc thửa đất số 2534, tờ bản đồ số 2 tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã K, tỉnh Đồng Tháp), ký hiệu S3 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 05/8/2025 và thửa đất 1580, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.340m² (diện tích đo đạc thực tế là 1.209m²) tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã K, tỉnh Đồng Tháp), theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 07/8/2024.

- Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thị Ánh H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoài T nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục

kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Xét thấy, sự thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận thỏa thuận của các đương sự.

[3]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn L là người cao tuổi nên thuộc trường hợp miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Hoài T.

- Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 244/2024/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân Khu vực X - Đồng Tháp (Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ). Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

+ Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Ánh H và bên nhận tặng cho là ông Nguyễn Hoài T đối với thửa đất số 2534, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.500m² (diện tích thực đo là 1.510,7m²) tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã K, tỉnh Đồng Tháp) được Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang chứng thực ngày 12/3/2021.

+ Ông Nguyễn Văn L được quyền sử dụng 392,5m² đất (trong đó có 117,2m² đất nằm trong lộ giới, 105m² nằm trong hành lang bảo vệ kênh) thuộc thửa đất số 2534, tờ bản đồ số 2 tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã K, tỉnh Đồng Tháp), ký hiệu S4 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 05/8/2025.

+ Bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng 1.118,2m² đất (trong đó có 149,1m² nằm trong lộ giới và 112,9m² nằm trong hành lang bảo vệ kênh) thuộc

thửa đất số 2534, tờ bản đồ số 2 tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã K, tỉnh Đồng Tháp), ký hiệu S3 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 05/8/2025 và thửa đất 1580, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.340m² (diện tích đo đạc thực tế là 1.209m²) tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã K, tỉnh Đồng Tháp), theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 07/8/2024.

+ Ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Ánh H, ông Nguyễn Hoài T có nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thị Ánh H, ông Nguyễn Văn L. Ông Nguyễn Hoài T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ánh H 300.000 đồng, anh Nguyễn Hoài T 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai thu số 0012333 ngày 25/12/2024, số 0012332 ngày 25/12/2024 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực X - Đồng Tháp (Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ).

2. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực X - Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực X - Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Huy